

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 37/2025/DS-PT
Ngày 08-4-2025

V/v tranh chấp Hợp đồng quản lý
độc quyền, yêu cầu xóa bỏ các bài
viết, đính chính thông tin trên mạng
xã hội, yêu cầu giao trả quyền kiểm
soát và quản lý kênh Youtube

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Định

Các Thẩm phán: Bà Giang Thị Cẩm Thúy
Ông Lê Phan Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Trương
Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025 về
tranh chấp Hợp đồng quản lý độc quyền, yêu cầu xóa bỏ các bài viết, đính chính
thông tin trên mạng xã hội, yêu cầu giao trả quyền kiểm soát và quản lý kênh
Youtube.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2024
của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2025/QĐ-PT ngày 24
tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần C. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần
Thế Kh – Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hoàng B,
sinh năm 1991. Địa chỉ: Căn 03 N, 38 Trương Quốc D, Phường 8, Quận Phú N,
Thành phố H. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng L, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp C, xã Ninh Thạnh
L, huyện H, tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng Nh, sinh năm
1970. Địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thành phố B, tỉnh B. (có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Hoàng L.

4. *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 15/11/2019, ông Lê Hoàng L và Công ty cổ phần C (gọi tắt là Công ty) có ký kết hợp đồng quản lý độc quyền số 015-2019/HĐQLĐQ-CME. Nội dung Hợp đồng thể hiện Công ty sẽ đưa ra lời khuyên, hướng dẫn, tư vấn, định hướng phát triển, đầu tư và khai thác tài năng của ông L. Hợp đồng có thời hạn 03 năm kể từ ngày 15/11/2019 đến hết ngày 14/11/2022. Đến ngày 01/07/2020 giữa Công ty và ông L có ký kết phụ lục hợp đồng số 01 đính kèm hợp đồng quản lý độc quyền số 015-2019/HĐQLĐQ-CME thỏa thuận thời hạn của hợp đồng quản lý độc quyền sẽ có hiệu lực từ ngày 15/11/2019 đến hết ngày 30/06/2025.

Ngày 29/04/2021, ông L đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn tuy có thông báo trước nhưng vi phạm nghĩa vụ thông báo trước 15 ngày và chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty nên đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết và gây thiệt hại cho Công ty.

Nay Công ty yêu cầu ông Lê Hoàng L:

- Bồi thường cho Công ty tổng số tiền là 1.693.720.000đ, gồm các khoản sau đây: Bồi thường cho Công ty số tiền 1.000.000.000đ do ông L tự ý chấm dứt hợp đồng quản lý độc quyền khi chưa được sự đồng ý của Công ty;

- Bồi thường cho Công ty số tiền 500.000.000đ do trong thời gian còn hiệu lực của Hợp đồng ông L tự ký kết Hợp đồng để hợp tác khai thác Kênh Youtube “L N” với bên thứ ba khi chưa được sự cho phép từ Công ty;

- Buộc ông L phải chịu mức phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm, tương đương số tiền là 48.720.000đ;

- Buộc ông L trả lại cho Công ty tổng số tiền 145.000.000đ là tiền doanh thu Kênh Youtube “L N” từ tháng 7/2021 đến tháng 11/2021.

- Buộc ông L trả quyền kiểm soát và quản lý Kênh Youtube “L N” cho Công ty.

- Buộc ông L xóa các bài viết liên quan, đính chính lại thông tin cho đúng sự thật, không ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của Công ty do ông L có hành vi đăng tải các thông tin liên quan đến hợp đồng trên trang mạng xã hội Facebook cá nhân.

Đối với yêu cầu phản tố của ông L thì Công ty có ý kiến như sau:

- Công ty đồng ý thanh toán cho ông L doanh thu từ nhạc số trong khoảng thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 04/2022 với số tiền là 22.000.000đ.

- Công ty đồng ý thanh toán cho ông L tiền lương tháng 03/2021 với số tiền là 8.000.000đ.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Thông nhất lời trình bày của Công ty về việc vào ngày 15/11/2019, ông L và Công ty có ký kết hợp đồng quản lý độc quyền số 015-2019/HĐQLĐQ-CME và ngày 01/07/2020 có ký kết phụ lục hợp đồng số 01 và các nội dung thỏa thuận của hợp đồng. Ông L không đồng ý với yêu cầu của Công ty do phía Công ty không thực hiện đúng các cam kết mà 02 bên đã thỏa thuận. Ông L có yêu cầu phản tố, yêu cầu Công ty phải thanh toán cho ông doanh thu từ nhạc số trong khoảng thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 04/2022 với số tiền là 22.000.000đ và yêu cầu Công ty phải thanh toán cho ông tiền lương tháng 03/2021 với số tiền là 8.000.000đ.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B đã quyết định:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C về việc yêu cầu ông Lê Hoàng L phải chịu mức phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm đối với số tiền là 1.742.000 đồng (48.720.000 đồng - 46.978.000 đồng = 1.742.000 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C về việc yêu cầu ông Lê Hoàng L phải trả cho Công ty doanh thu kênh Youtube “L N” từ tháng 7/2021 đến tháng 11/2021 đối với số tiền là 145.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C về việc yêu cầu ông Lê Hoàng L phải trả quyền kiểm soát và quản lý kênh Youtube “L N” cho Công ty cổ phần C.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C đối với ông Lê Hoàng L.

Buộc ông Lê Hoàng L bồi thường cho Công ty cổ phần C tổng số tiền là 1.546.978.000 đồng.

Buộc ông Lê Hoàng L phải xóa các bài viết liên quan, đính chính lại thông tin, không ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của Công ty cổ phần C do ông L đăng tải các thông tin liên quan đến hợp đồng quản lý độc quyền giữa ông Lê Hoàng L với Công ty cổ phần C trên trang mạng xã hội Facebook cá nhân của ông L.

5. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Lê Hoàng L đối với Công ty cổ phần C.

Buộc Công ty cổ phần C phải trả cho ông Lê Hoàng L tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, bị đơn ông L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B kháng nghị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 500.000.000 đồng và mức phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm tương đương số tiền 46.978.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B giữ nguyên nội dung kháng nghị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, sửa một phần Bản dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Lê Hoàng L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B là hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 1.000.000.000đ do tự ý chấm dứt hợp đồng:

Căn cứ khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng quy định: “*Hai bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Trường hợp một trong hai Bên có ý định chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì phải gửi **thông báo bằng văn bản** cho Bên còn lại biết trước 15 ngày làm việc và phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại*”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng có quy định: “*Trong trường hợp Bên B (bên ông L) tự ý chấm dứt hợp đồng khi chưa được sự đồng ý của Bên A (bên Công ty) thì phải chịu bồi thường: 1.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ đồng) cho Bên A (bên Công ty)*”.

Ông L cho rằng từ ngày 02/4/2021 đến ngày 08/4/2021 thì ông L có trao đổi qua nền tảng Messenger (Facebook) với bà Nguyễn Thị Kim L là Phó tổng giám đốc của Công ty để trao đổi về việc ông L muốn chấm dứt hợp đồng với Công ty trước thời hạn và được phía bà Loan đồng ý, đồng thời hai bên có thỏa thuận đến ngày 23/4/2021 thì phía Công ty và phía ông L sẽ có cuộc gặp chính thức tại Công ty để trao đổi về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Tuy nhiên, việc trao đổi này không phải bằng văn bản.

Đến ngày 29/4/2021, ông L mới chính thức gửi văn bản đến cho Công ty về việc chấm dứt hợp đồng kể từ ngày 29/04/2021. Như vậy, mặc dù ông L có thông báo bằng văn bản đến cho Công ty về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nhưng đã vi phạm thời hạn về việc thông báo trước 15 ngày làm việc và chưa được sự đồng ý bằng văn bản của người có thẩm quyền bên phía Công ty là đã vi phạm về đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 và điểm a khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L phải bồi thường cho Công ty số tiền 1.000.000.000đ là có cơ sở.

[2.2] Đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 500.000.000đ do trong thời gian còn hiệu lực của Hợp đồng ông L tự ý ký kết hợp đồng với bên thứ ba:

Căn cứ khoản 4 Điều 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về chấm dứt hợp đồng có quy định:

“Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây: ...

4. Hợp đồng bị hủy bỏ, bị đơn phương chấm dứt thực hiện;”

Ông L đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty từ ngày 29/4/2021 nên Hợp đồng giữa Công ty và ông L đã chấm dứt từ ngày 29/4/2021. Đến tháng 7/2021, ông L mới ký kết hợp đồng hợp tác với P, thời điểm này, hợp đồng giữa Công ty và ông L đã chấm dứt, ông L không còn chịu sự ràng buộc từ hợp đồng ký kết với Công ty. Do đó, việc Công ty yêu cầu ông L bồi thường số tiền 500.000.000đ do tự ý ký kết hợp đồng với bên thứ ba là không có căn cứ.

[2.3] Đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chịu mức phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

Theo thông báo số 0111/2021-TB/ĐQN, ngày 01/11/2021 của Công ty CP giải trí số ĐNetwork đã xác định: *“...ngày 09/4/2021 ĐNetwork nhận được email thông báo từ nhân sự của Công ty về đề xuất unlink (hủy liên kết) với lý do Công ty sẽ tiến hành thanh lý kênh L N trong ngày 09/4/2021....”*

Như vậy, việc hủy liên kết do Công ty đề xuất và ông L chỉ lấy lại quyền kiểm soát kênh Youtube “L N” từ tháng 4/2021. Ngoài ra, doanh thu của kênh Youtube “L N” cũng được chuyển cho Công ty CP giải trí số ĐNetwork đến hết tháng 4/2021 nên không gây thiệt hại cho phía Công ty. Từ tháng 5/2021, do Hợp đồng giữa Công ty Color Man và ông L đã chấm dứt nên ông L không phải chịu ràng buộc theo Hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chịu mức phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm là không có căn cứ.

[2.4] Đối với nội dung nguyên đơn yêu cầu bị đơn xóa các bài viết liên quan, đính chính lại thông tin cho đúng sự thật, không ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của nguyên đơn do bị đơn có hành vi đăng tải các thông tin liên quan đến hợp đồng trên trang mạng xã hội:

Quá trình giải quyết vụ án, ông L thừa nhận có đăng lên trang Facebook “L N” với những thông tin như là: Ông L cho rằng Công ty không minh bạch trong phần doanh thu đối với ông L theo như Hợp đồng đã ký, Công ty bóc lột sức lao động của ông L, Công ty không có kế hoạch cụ thể nào về việc ra mắt sản phẩm, hình ảnh....đối với ông L, Công ty không rõ ràng trong phần trăm chia sẻ doanh thu như Hợp đồng,...

Ông L cho rằng những nội dung ông đăng nêu trên là đúng sự thật nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung mà ông L đăng tải trên trang cá nhân Facebook “L N” là đúng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L phải xóa các bài viết liên quan, đính chính lại thông tin là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DSST ngày 04/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Hoàng L; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 04/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

- Căn cứ khoản 3, khoản 4, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 422, Điều 504, khoản 3 Điều 507 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7, 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C đối với ông Lê Hoàng L.

- Buộc ông Lê Hoàng L bồi thường cho Công ty cổ phần C tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

- Buộc ông Lê Hoàng L phải xóa các bài viết liên quan, đính chính lại thông tin, không ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của Công ty cổ phần C do ông L đăng tải các thông tin liên quan đến hợp đồng quản lý độc quyền giữa ông Lê Hoàng L với Công ty cổ phần C trên trang mạng xã hội Facebook cá nhân của ông L.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C về việc yêu cầu ông Lê Hoàng L phải trả số tiền 693.720.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C về việc yêu cầu ông Lê Hoàng L phải trả quyền kiểm soát và quản lý kênh Youtube “L N” cho Công ty cổ phần C.

4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Lê Hoàng L đối với Công ty cổ phần C.

Buộc Công ty cổ phần C phải trả cho ông Lê Hoàng L tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc Công ty cổ phần C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng. Buộc Công ty cổ phần C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 32.948.800 đồng. Công ty cổ phần C đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 31.406.000 đồng theo biên lai thu số 0006089 ngày 19/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh B nên được chuyển thu án phí, Công ty cổ phần C còn phải nộp thêm số tiền án phí là 1.842.800 đồng.

- Buộc ông Lê Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng. Buộc ông Lê Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 42.000.000 đồng. Ông Lê Hoàng L đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 750.000 đồng theo biên lai thu số 0006343 ngày 24/05/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh B được chuyển thu án phí số tiền là 750.000 đồng, ông L còn phải nộp thêm số tiền án phí là 41.550.000 đồng.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- Viện KSND tỉnh B;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND huyện H;
- Lưu: HSVA; THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Định

